

3. Công ty Cổ phần sửa chữa và xây dựng tổng hợp 2 huyện T, tỉnh Quảng Bình, do ông Nguyễn Ánh S, Giám đốc Công ty đại diện theo pháp luật. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Người làm chứng:

1. Ông Phạm Ngọc S1, nhân viên Công ty CP sửa chữa và XDTH 2 huyện T, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt

2. Ông Trần Xuân L1; địa chỉ: Thôn S2, xã P, huyện T, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt

3. Ông Trần Xuân Th “Trưởng thôn M; địa chỉ: Thôn M, xã P, huyện T, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Bản án sơ thẩm, nội dung vụ án được xác định như sau:

Tại đơn khởi kiện ngày 18/12/2019, bản tự khai ngày 15/01/2020 và các buổi đối thoại, người khởi kiện ông Trần Đăng N trình bày: Ngày 12/7/1997, gia đình ông N mua lại tài sản của cửa hàng vật tư huyện T gồm: Nhà gỗ ghép ván 2 liên lợp ngói và tạc dựng đầu có dung tích 4m³ nằm trong khu vực chợ M2, có vị trí: Phía Bắc giáp đường quốc lộ 29, phía Đông giáp đường liên thôn, phía Tây giáp đường nhà ông D, phía Nam giáp đất canh tác. Năm 1998, UBND xã P xây dựng chợ mới, nhà ông nằm trong khu vực xây dựng chợ mới, thuộc diện phải di dời, giải toả và được UBND xã cấp đổi một mảnh đất khác có vị trí: Phía Bắc giáp nhà ông Q bà H1, phía Đông giáp đất ông cầm, phía Tây giáp đường nội thôn, phía Nam giáp đường đi bến phà (đường quốc lộ). Đất và nhà của ông khi ở không nằm trong hành lang an toàn giao thông, chưa có quốc lộ 12A đi qua. Năm 2006, khi thi công xong cầu M2, đường quốc lộ 12A điều chỉnh hướng tuyến đi mới vào một phần đất của gia đình ông đang sử dụng, tài sản trên đất được nhà nước đền bù, riêng về đất bị thu hồi không được đền bù, phần đất còn lại gia đình ông vẫn tiếp tục ở và kinh doanh buôn bán. Năm 2015, do nhà bị xuống cấp, gia đình ông đã tu sửa nhà thì bị UBND xã P lập biên bản vi phạm hành chính và ra Quyết định đình chỉ thi công công trình xây dựng vi phạm luật giao thông đường bộ. Đến năm 2017, ông tiếp tục xây dựng nhà để tránh lũ thì bị UBND xã P lập biên bản vi phạm hành chính và Chủ tịch UBND huyện ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 761/QĐ-XPVPHC ngày 30/3/2017 về hành vi xây dựng nhà kiên cố trên đất hành lang an toàn giao thông. Không đồng ý với quyết định xử phạt của Chủ tịch UBND huyện T, ông N khiếu nại đề nghị Chủ tịch UBND huyện ra quyết định huỷ bỏ Quyết định xử phạt vi phạm hành chính. Ngày 30/10/2017, Chủ tịch UBND huyện T đã ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu số 3063/QĐ-UBND không chấp nhận nội dung khiếu nại của ông. Ông tiếp tục khiếu nại lần

2 lên Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Bình. Ngày 18/9/2018 Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Bình ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại lần 2 số 3116/QĐ-UBND với nội dung không công nhận nội dung khiếu nại của ông Trần Đăng N về việc đề nghị huỷ bỏ quyết định số 761/QĐ-XPVPHC với lý do ông có quyền cải tạo sửa chữa nhà trên đất của gia đình ông, tuy nhiên, qua xác minh nhận thấy, Quyết định số 761/QĐ-XPVPHC ngày 30/3/2017 của Chủ tịch UBND huyện T ban hành không đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Luật xử lý vi phạm hành chính nên yêu cầu Chủ tịch UBND huyện huỷ bỏ. Quyết định 761/QĐ-XPVPHC; huỷ Điều 1, Điều 2, Điều 4, Quyết định giải quyết khiếu nại số 3063/QĐ-UBND ngày 30/10/2017 của Chủ tịch UBND huyện T về việc giải quyết khiếu nại của ông Trần Đăng N. Ngày 05/12/2018, Chủ tịch UBND huyện T đã ban hành quyết định số 3659/QĐ-HBQĐXPVPHC về việc huỷ bỏ Quyết định số 761/QĐ-XPVPHC ngày 30/3/2017 của Chủ tịch UBND huyện T về việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ, đường sắt đối với ông Trần Đăng N. Ngày 15/7/2019, Chủ tịch UBND huyện T ra quyết định số 1621/QĐ-KPHQ ngày 15/7/2019 áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả buộc tháo dỡ công trình vi phạm.

Ngày 09/9/2019 Chủ tịch UBND huyện T đã ban hành Quyết định số 2150/QĐ-CCXP về việc cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả đối với ông Trần Đăng N. Gia đình ông đã làm đơn xin tháo dỡ tầng 3 còn phần tầng 2 xin giữ lại để vượt lũ, không thấy UBND huyện trả lời đơn, gia đình ông đã thuê nhân công tháo dỡ xong tầng 3 hết 30.000.000 đồng, sau đó gia đình ông mới nhận được văn bản của UBND huyện không chấp nhận yêu cầu của ông và yêu cầu tháo dỡ tiếp tầng 1 và tầng 2. Ông không đồng ý vì trong Quyết định giải quyết khiếu nại lần hai của Chủ tịch UBND tỉnh chỉ yêu cầu ông tháo dỡ phần vi phạm chứ không phải toàn bộ công trình vi phạm. Việc Chủ tịch UBND huyện cưỡng chế nhưng chưa đền bù là trái pháp luật. Vì vậy ông đề nghị huỷ Quyết định số 2150/QĐ-CCXP ngày 09/9/2019 của Chủ tịch UBND huyện T.

Người bị kiện Chủ tịch huyện T tại công văn số 33/UBND ngày 14/01/2020 và tại các buổi đối thoại có ý kiến như sau:

Ông Trần Đăng N đã có hành vi vi phạm hành chính: Xây dựng công trình kiên cố trái phép trong phạm vi đất dành cho đường bộ, UBND xã P lập biên bản số 04/BB-VPHC ngày 27/3/2017 và chuyển UBND huyện T xử lý theo thẩm quyền. UBND huyện T đã ban hành Quyết định số 761/QĐ-XPVPHC ngày 30/3/2017 về việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ và đường sắt, do hết thời hạn mà ông Trần Đăng N không tự nguyện chấp hành Quyết định số 761/QĐ-XPVPHC ngày 30/3/2017 của Chủ tịch UBND huyện, UBND huyện ban hành Quyết định số 3431/QĐ-CC

ngày 05/12/2017 về việc cưỡng chế kê biên tài sản có giá trị tương ứng với số tiền phạt, tuy nhiên trong quá trình ban hành Quyết định cưỡng chế kê biên tài sản do vi phạm trình tự, thủ tục được quy định tại khoản 1 Điều 20 Nghị định 166/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ quy định về cưỡng chế thi hành hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính, cụ thể: Chưa xác minh thông tin về tài sản của đối tượng bị cưỡng chế, điều kiện thi hành quyết định cưỡng chế kê biên tài sản, do vậy UBND huyện ban hành Quyết định số 1741/QĐ- HBQĐCC ngày 19/6/2018 huỷ bỏ Quyết định số 3431/QĐ-CC ngày 05/12/2017 cưỡng chế kê biên tài sản ông Trần Đăng N.

Ông N không chấp hành các quyết định trên và khiếu nại đến Chủ tịch UBND huyện T đề nghị huỷ bỏ Quyết định số 761/QĐ-XPVPHC ngày 30/3/2017. Chủ tịch UBND huyện T đã ban hành Quyết định số 3063/QĐ-UBND ngày 30/10/2017 về việc giải quyết khiếu nại lần 1 của ông Trần Đăng N. Ông N không nhất trí các nội dung tại Quyết định số 3063/QĐ-UBND ngày 30/10/2017 của UBND huyện T và tiếp tục khiếu nại lên Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Bình đề nghị huỷ bỏ Quyết định số 761/QĐ-XPVPHC ngày 30/3/2017 của Chủ tịch UBND huyện T về việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ và đường sắt đối với gia đình ông; đề nghị UBND xã P và UBND huyện T xem xét nguồn gốc thửa đất (thửa đất đang bị xử phạt vi phạm hành chính) để cấp GCN QSDĐ cho gia đình ông, qua làm việc với đoàn xác minh của tỉnh ông Trần Đăng N đã rút nội dung khiếu nại này do không có cơ sở. Ngày 18/9/2018, UBND tỉnh Quảng Bình đã ban hành Quyết định số 3116/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại lần 2 của ông Trần Đăng N - thường trú tại thôn M, xã P, huyện T.

Thực hiện Quyết định số 3116/QĐ-UBND ngày 18/9/2018 của UBND tỉnh Quảng Bình, Chủ tịch UBND huyện T đã ban hành Quyết định số 3659/QĐ-HBQĐXPVPHC ngày 05/12/2018 huỷ bỏ Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 761/QĐ-XPVPHC ngày 30/3/2017 của Chủ tịch UBND huyện T và ban hành Quyết định số 138/QĐ-UBND ngày 17/01/2019 về việc áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả. Hết thời hạn thi hành mà ông Trần Đăng N không chấp hành, UBND huyện T ban hành Quyết định số 890/QĐ-CCXP ngày 19/4/2019 cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả. Do thực hiện chưa đầy đủ thủ tục xác minh tình tiết của vụ việc vi phạm hành chính được quy định tại Điều 58, Điều 59 Luật XLVPHC, do đó UBND huyện ban hành Quyết định số 1072/QĐ-HBQĐKPHQ ngày 14/5/2019 về huỷ bỏ Quyết định số 138/QĐ-UBND ngày 17/01/2019 và ban hành Quyết định số 1073/QĐ-HBQĐCC ngày 14/6/2019 huỷ bỏ quyết định 890, Ủy ban nhân dân huyện T đã có Công văn số 284/UBND ngày 20/5/2019 về việc giao nhiệm vụ cho các phòng ban, đơn vị có liên quan đến xây dựng kế hoạch xác minh

tình tiết của vụ việc vi phạm hành chính. Ngày 02/7/2019, tổ công tác đã tiến hành xác minh theo đúng quy định pháp luật (có Biên bản số 06/BB-XM ngày 20/6/2019). Sau khi xác minh tình tiết vụ việc VPHC của ông Trần Đăng N, UBND huyện ban hành Quyết định số 1621/QĐ-KPHQ ngày 15/7/2019 về việc áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả do hành vi vi phạm hành chính gây ra đối với ông Trần Đăng N. Sau khi hết thời hạn thực hiện Quyết định số 1621/QĐ-KPHQ, ông Trần Đăng N vẫn không chấp hành và gửi đơn đến Chủ tịch UBND tỉnh xin xem xét tạm dừng quyết định cưỡng chế, UBND huyện T đã có Công văn số 553/UBND ngày 06/9/2019 trả lời để ông Trần Đăng N được biết và báo cáo Thường trực tỉnh ủy, UBND tỉnh, Thường trực huyện ủy T. Do ông N không chấp hành Quyết định 1621 nên Chủ tịch UBND huyện T ban hành Quyết định số 2150/QĐ-CCXP ngày 09/9/2019 về việc cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả đối với ông Trần Đăng N. Ngày 18/9/2019, ông Trần Đăng N đã có đơn gửi Chủ tịch UBND huyện trình bày sự việc và xin tự tháo dỡ tầng 3, giữ lại tầng 1 và tầng 2. Ngày 22/10/2019, UBND huyện đã ban hành Công văn số 684/UBND trả lời để ông Trần Đăng N được biết và yêu cầu gia đình tự tháo dỡ công trình vi phạm, việc gia đình đề nghị giữ lại tầng 1 và tầng 2 để cho gia đình con ông ở để kinh doanh là trái với quy định của pháp luật.

Đối với việc ông Trần Đăng N yêu cầu TAND tỉnh huỷ bỏ Quyết định số 2150/QĐ-CCXP ngày 09/9/2019 của UBND huyện T là không có cơ sở. Việc ban hành Quyết định số 2150/QĐ-CCXP ngày 09/9/2019 cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả đối với ông Trần Đăng N là đúng với quy định của pháp luật tại các Điều 28, Điều 86, Điều 87 Luật xử lý vi phạm Hành chính và Điều 33 Nghị định số 166/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2015 của Chính phủ quy định về cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính.

Tại bản tự khai ngày 15/01/2020 và các buổi đối thoại ngày 15/01/2020, 05/3/2020 người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Trần Thế A trình bày:

Năm 2010, anh A lập gia đình. Do không có nhà ở nên ngày 20/7/2011 ông Trần Đăng N họp gia đình và thống nhất cho anh Trần Thế A căn nhà trên thửa đất số 78 tờ bản đồ số 34, địa chỉ thôn M, xã P, huyện T có xác nhận của Trưởng thôn M. Gia đình anh Trần Thế A sống từ đó đến nay đã được 10 năm không có vấn đề gì xảy ra. Năm 2015, tường nhà tách khỏi trụ nên vợ chồng anh đã bàn bạc với ông Trần Đăng N quyết định tu sửa lại nhà và đã bị UBND xã P lập Biên bản xử phạt vi phạm hành chính số 01/BB-XPHC ngày 18/3/2015 về hành vi vi phạm trong lĩnh vực giao thông đường bộ: Xây dựng công trình kiên cố trái phép trong phạm vi đất dành cho đường bộ, diện tích vi phạm là $4,4\text{m} \times 3,7\text{m} = 16,28 \text{ m}^2$. Tuy nhiên, UBND xã P không ban hành

quyết định XPVPHC theo quy định mà ban hành quyết định đình chỉ thi công công trình xây dựng vi phạm pháp luật giao thông đường bộ (Quyết định số 25/QĐ-UBND ngày 23/3/2015). Tại quyết định này, UBND xã P không buộc ông Trần Đăng N tháo dỡ công trình vi phạm mà chỉ yêu cầu đình chỉ thi công công trình, vì vậy, những hạng mục đã thi công vẫn được giữ nguyên. Năm 2016 nhà ngập lụt, năm 2017 anh Trần Thế A đã tu sửa lại căn nhà cấp 4 thành nhà 3 tầng, chiều cao không quá 7m hoàn thiện và sử dụng năm 2017. Ngày 27/3/2017, UBND xã P đã lập Biên bản vi phạm hành chính số 04/BB-VPHC đối với ông Trần Đăng N với hành vi xây dựng nhà ở trái phép trong phạm vi đất dành cho đường bộ, trong Biên bản có nội dung móng xây bằng đá hộc kiên cố nhưng móng nhà anh xây bằng bờ lô ở từ đó đến nay vẫn còn nguyên vẹn, diện tích 71m² đất của gia đình anh là đất sản xuất kinh doanh lại nằm gọn trong khu vực dân cư đông đúc là không đúng thực tế. Anh Trần Thế A nhất trí với Quyết định giải quyết khiếu nại lần 2 số 3116/QĐ-UBND ngày 18/9/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Bình, không nhất trí với Quyết định số 2150/QĐ-CCXP ngày 09/9/2019 của UBND huyện T vì trái với Quyết định số 3116 của Chủ tịch UBND tỉnh vì trong nội dung của Quyết định 3116 chỉ yêu cầu tháo dỡ phần vi phạm còn tại Quyết định số 2150 của UBND huyện T lại yêu cầu tháo dỡ toàn bộ căn nhà.

Đại diện theo pháp luật của ủy ban nhân dân xã P trình bày:

Năm 2015, ông N có hành vi đồ trụ để xây nhà kiên cố trên đất hành lang giao thông đã bị UBND xã lập biên bản vi phạm, đình chỉ việc xây dựng nhưng đến năm 2017 vẫn tiếp tục xây dựng và hoàn thiện nên UBND xã đã lập biên bản đề nghị xử lý theo quy định. Đối với những hộ ông N nêu có vi phạm thì UBND xã cũng đã lập biên bản đề nghị xử lý. Có một số hộ đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trước khi mở đường 12A (cấp giấy năm 2004).

Công ty Cổ phần sửa chữa đường bộ và xây dựng tổng hợp II Quảng Bình trình bày:

Trường hợp ông N xây nhà kiên cố trên đất hành lang giao thông là vi phạm pháp luật, đã lập biên bản từ năm 2015 nhưng vẫn cố tình tiếp tục xây dựng nên đề nghị Tòa xét xử nghiêm minh để lập lại trật tự trên hành lang đường bộ bởi vì mặc dù chưa có kế hoạch giải phóng toàn bộ hành lang nhưng rõ ràng tại những vị trí ngã tư giao thông, vì các hộ dân xây dựng nhà trên đất hành lang giao thông đã làm khuất tầm nhìn cho những người điều khiển phương tiện giao thông, trở thành “điểm đen” giao thông. Đề nghị xét xử nghiêm minh.

Ông Thụ trưởng thôn M có ý kiến: Việc UBND huyện xử lý hành chính đối với hành vi xây dựng nhà kiên cố trên đất giao thông là đúng pháp luật

nhưng không công bằng vì có một số hộ cũng vi phạm nhưng không tiến hành cưỡng chế trong khi chỉ cưỡng chế nhà ông N.

Trên cơ sở nội dung vụ án đã xác định nêu trên, tại Bản án số 06/2020/HC-ST ngày 12/8/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình đã quyết định:

Áp dụng Điều 30, khoản 4 Điều 32 và điểm a khoản 2 Điều 116 Luật tổ tụng Hành chính; Điều 28, Điều 29, điểm đ khoản 2 Điều 38, Điều 65, Điều 74, Điều 86, Điều 87 Luật xử lý vi phạm Hành chính; Nghị định số 81/2013/NĐ-CP ngày 19/7/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật xử lý vi phạm Hành chính, Nghị định 11/2010 ngày 24/2/2010, thông tư 50/TT-BGTVT ngày 23/9/2015 hướng dẫn thi hành nghị định 11/2010;

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 193 Luật tổ tụng hành chính; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Xử bác đơn yêu cầu khởi kiện của ông Trần Đăng N về yêu cầu hủy Quyết định cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả số 2150/QĐ- CCXP ngày 09/9/2019 của UBND huyện T

2. Về án phí: Miễn án phí cho ông Trần Đăng N.

3. Kiến nghị UBND huyện T rà soát các trường hợp xâm phạm hành lang an toàn giao thông để xử lý nghiêm túc nhằm lập lại trật tự an toàn giao thông trên địa bàn huyện T.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, án phí sơ thẩm và quyền kháng cáo.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 18/8/2020 người khởi kiện ông Trần Đăng N và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Thế A kháng cáo Bản án sơ thẩm số 06/2020/HC-ST ngày 12/8/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình, ngày 27/8/2020 ông N có đơn kháng cáo bổ sung. Lý do kháng cáo ông N và ông A cho rằng: Bản án sơ thẩm xét xử không đúng pháp luật, không khách quan, thu thập chứng cứ không đầy đủ, chưa làm rõ tính chất đúng sai của các Quyết định hành chính có liên quan, bỏ sót người tham gia tố tụng, xác định quan hệ pháp luật không đúng, vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, ông N và ông A yêu cầu hủy Bản án sơ thẩm.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến như sau:

- Về tố tụng: Hội đồng xét xử, những người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã thực hiện và chấp hành đúng các quy định của Luật tố tụng hành chính.

- Về nội dung: Sau khi phân tích nội dung vụ án, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận một phần kháng cáo, sửa Bản án sơ thẩm, hủy một phần Quyết định số: 2150/QĐ- CCXP ngày 09/9/2019 của Chủ

tịch UBND huyện T (Khoản 5, Điều 1 của Quyết định nêu trên) vì nội dung này trái với Điều 85 Luật xử lý vi phạm hành chính.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ đã xem xét và kết quả tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm, xem xét kháng cáo của ông Trần Đăng N và anh Trần Thế A. Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1]. Xem xét nguồn gốc và hồ sơ thủ tục pháp lý về thửa đất thấy rằng: Năm 1997 ông Trần Đăng N mua tài sản của Cửa hàng vật tư huyện T để kinh doanh, trong đó có quầy bán hàng (BL 55). Đến năm 1998 do khu vực này giải tỏa làm chợ nên ông N đến tại vị trí thửa đất số 78 hiện nay để làm quán kinh doanh, tuy nhiên ông N không có giấy tờ, thủ tục pháp lý gì về đất đai, theo ông N trình bày Ủy ban nhân dân xã P có bố trí chỉ đất cho Ông; ông Trần Xuân L1 nguyên là Chủ tịch xã P trình bày: *“Vào năm 1998, tôi đương chức Chủ tịch xã (P) sau khi anh N ở khu vực chợ cần di dời để giải phóng mặt bằng xây chợ và đưa anh lên ở chỗ hiện nay là sự thực”* (BL 141) nhưng chỉ là lời khai, không có tài liệu, chứng cứ gì chứng minh việc giao đất cho ông Trần Đăng N. Thửa đất số 78, tờ bản đồ số 6, diện tích 150m² tại xã P thuộc quyền quản lý của Ủy ban nhân dân xã P, được thể hiện trong Sổ mục kê lập năm 2006 (Quyển số 2), năm 2006 Nhà nước mở đường Quốc lộ 12, thửa đất này nằm trong phạm vi mở đường và đất hành lang an toàn giao thông đường bộ. Ngày 05/01/2006, Hội đồng giải phóng mặt bằng của huyện P đã tiến hành giải tỏa để thi công đường quốc lộ, do không có giấy tờ hợp pháp về đất nên ông N chỉ được bồi thường tài sản trên đất, tiền bồi thường tài sản ông N đã nhận đầy đủ, diện tích đất đã thu hồi mở đường là 11m², diện tích đất còn lại 75,4m² là đất dành cho hành lang an toàn giao thông đường Quốc lộ 12. Đến tháng 3 năm 2015 ông N đã sửa chữa, nâng cấp xây dựng nhà kiên cố trên phần đất hành lang nói trên, ngày 18/3/2015 Ủy ban nhân dân xã P đã tiến hành lập Biên bản số 01/BB-VPHC về hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ và ban hành Quyết định đình chỉ thi công số 25/QĐ-UBND ngày 23/3/2015, nhưng ông N không chấp hành. Đến năm 2017 ông N tiếp tục xây dựng hoàn thiện ngôi nhà, ngày 27/3/2017 Ủy ban nhân dân xã P tiếp tục lập Biên bản vi phạm hành chính số 04/BB-VPHC sau đó có tờ trình chuyển Ủy ban nhân dân huyện T xử lý theo thẩm quyền. Ngày 30/3/2017 Chủ tịch UBND huyện T đã ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính nhưng do có sai sót thủ tục về quyền giải trình của ông N nên tại Quyết định giải quyết khiếu nại số 3116/QĐ-UBND ngày 18/9/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Bình đã yêu cầu Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T thu hồi, hủy bỏ Quyết định xử phạt và một số biên bản, quyết định có liên quan để thực hiện lại việc xử lý

hành vi vi phạm của ông N theo đúng quy định của pháp luật, đồng thời cũng không chấp nhận khiếu nại của ông N. Sau khi Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T xem xét, thu hồi các quyết định hành chính, do đã quá thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính, hành vi vi phạm vẫn tồn tại nên Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T đã ban hành Quyết định số 1621/QĐ-KPHQ ngày 15/7/2019 về việc “*Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả buộc tháo dỡ công trình vi phạm*”, quyết định này không bị khiếu nại hoặc khởi kiện, quá thời hạn theo quyết định nhưng ông N không chấp hành, vì vậy Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T đã ban hành Quyết định số: 2150/QĐ-CCXP ngày 09/9/2019 về việc “*Cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả*”, xem xét Quyết định số 2150/QĐ-CCXP là quyết định hành chính bị khởi kiện, xét thấy, hành vi xây dựng nhà cửa trái phép trong phạm vi đất hành lang an toàn giao thông đường Quốc lộ 12 của ông N vẫn còn tồn tại, sau khi đã mở đường Quốc lộ 12, phạm vi thửa đất số 78, tờ bản đồ số 6, diện tích 150m² tại xã P đã được xác định là đất hành lang an toàn giao thông đường bộ nhưng từ năm 2015 đến năm 2017 ông N và ông A vẫn tiếp tục xây dựng nhà trái phép, mặc dù các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền đã nhiều lần lập biên bản, đình chỉ thi công và xử phạt vi phạm hành chính nhằm ngăn chặn, qua nhiều tài liệu, lời khai ông N cũng đã nhận thức và xác định được hành vi vi phạm của mình, việc ông N so sánh với một số trường hợp khác có vi phạm nhưng không bị xử lý và cho rằng thiếu công bằng là không đúng. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T đã ban hành Quyết định cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả số 2150/QĐ-CCXP nhằm để thực hiện Quyết định số 1621/QĐ KPHQ ngày 15/7/2019, về việc “*Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả*” là cần thiết và đúng quy định của Luật xử lý vi phạm hành chính cũng như các văn bản quy phạm pháp luật liên quan. Quá trình giải quyết, xử lý vụ việc là khách quan, Tòa án cấp sơ thẩm đã thu thập chứng cứ đầy đủ, xác định, làm rõ tính chất đúng sai của các Quyết định hành chính có liên quan và đưa đầy đủ người tham gia tố tụng, theo đúng quy định của pháp luật, không vi phạm thủ tục tố tụng. Quá trình giải quyết vụ án của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, xét ông N là thương binh và đề nghị của hai bên đương sự, Hội đồng xét xử phúc thẩm đã dừng phiên tòa để hai bên tự đối thoại trao đổi, thống nhất về việc giải quyết vụ án cho ổn thỏa thấu lý, đạt tình, nhưng sau hơn một tháng hai bên vẫn giữ nguyên quan điểm của mình yêu cầu Tòa án xét xử. Với những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông N và ông A về yêu cầu hủy Bản án sơ thẩm.

Tuy nhiên xem xét tại khoản 5, Điều 1 Quyết định số 2150/QĐ-CCXP của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T đã xác định ông N phải chịu số tiền 45.565.000 đồng là không đúng quy định tại khoản 2, Điều 85 Luật xử lý vi

phạm hành chính, bởi lẽ chưa thi hành biện pháp khắc phục hậu quả thì chưa thể xác định được cụ thể số tiền chi phí cho việc cưỡng chế, trường hợp cá nhân bị áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả tự nguyện chấp hành quyết định thì có thể sẽ không phải chịu chi phí. Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện và kháng cáo của ông Trần Đăng N, hủy khoản 5, Điều 1 Quyết định số 2150/QĐ-CCXP của Chủ tịch UBND huyện T, sửa Bản án sơ thẩm đối với phần này như ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

[2]. Xem xét một số nội dung khác của Bản án sơ thẩm có liên quan đến kháng cáo, Hội đồng xét xử xét thấy: Quyết định cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả số 2150/QĐ-CCXP ngày 09/9/2019 là quyết định hành chính của “CHỦ TỊCH” Ủy ban nhân huyện T nhưng tại phần Quyết định của Bản án sơ thẩm xác định là quyết định hành chính của “**UBND huyện T**” là không đúng, do vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm chỉnh lý lại, đồng thời yêu cầu Hội đồng xét xử sơ thẩm rút kinh nghiệm.

[3]. Xem xét nội dung kiến nghị của Bản án sơ thẩm, Hội đồng xét xử nhận thấy: Theo quy định tại điểm h, khoản 2 Điều 193 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015 quy định như sau: “*Kiến nghị với cơ quan nhà nước có thẩm quyền, người đứng đầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền xem xét trách nhiệm của cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền của cơ quan nhà nước.*”

Nhưng tại Điều 3, phần Quyết định của Bản án sơ thẩm đã viết: “*Kiến nghị UBND huyện T rà soát các trường hợp xâm phạm hành lang an toàn giao thông để xử lý nghiêm túc nhằm lập lại trật tự an toàn giao thông trên địa bàn huyện T.*”. Xét thấy, nội dung kiến nghị nêu trên liên quan đến công việc, hoạt động của cơ quan hành chính Nhà nước chứ không phải nhằm “*xem xét trách nhiệm của cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền của cơ quan nhà nước*” nên không thuộc thẩm quyền của Tòa án hoặc của Hội đồng xét xử, Kiến nghị nêu trên là không cần thiết, đề nghị Tòa án cấp sơ thẩm rút kinh nghiệm.

[4]. Về án phí sơ thẩm: Do chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Trần Đăng N nên sửa lại phần án phí sơ thẩm của Bản án sơ thẩm, Chủ tịch UBND huyện T phải chịu án phí hành chính sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[5]. Về án phí phúc thẩm: Do chấp nhận kháng cáo nên ông Trần Đăng N và ông Trần Thế A không phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 2 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính.

1. Chấp nhận một phần kháng cáo của ông Trần Đăng N và kháng cáo của ông Trần Thế A, sửa một phần Bản án hành chính sơ thẩm số 06/2020/HC-ST ngày 12/8/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình.

2. Áp dụng Điều 193 Luật tổ tụng Hành chính; Điều 43; Điều 52 Luật giao thông đường bộ; các Điều 28, Điều 29, điểm đ khoản 2 Điều 38, Điều 65, Điều 74, Điều 85 Điều 86, Điều 87 Luật xử lý vi phạm Hành chính; Nghị định số 81/2013/NĐ-CP ngày 19/7/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật xử lý vi phạm Hành chính; Nghị định số 166/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2015 của Chính phủ quy định về cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính. Nghị định 11/2010/NĐ-CP ngày 24/2/2010, Thông tư 50/TT-BGTVT ngày 23/9/2015 hướng dẫn thi hành Nghị định 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính Phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

Xử:

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Trần Đăng N, hủy Khoản 5, Điều 1 của Quyết định số 2150/QĐ CCXP ngày 09/9/2019 của Chủ tịch UBND huyện T về việc “*Cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả*” đối với ông Trần Đăng N. Bác các yêu cầu khởi kiện còn lại về yêu cầu hủy các nội dung khác đối với Quyết định số 2150/QĐ CCXP ngày 09/9/2019 của Chủ tịch UBND huyện T của ông Trần Đăng N.

3. Về án phí: Áp dụng Điều 32; Điều 34 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

- Án phí sơ thẩm: Chủ tịch UBND huyện T phải chịu 300.000đ án phí hành chính sơ thẩm.

- Án phí phúc thẩm: Ông Trần Đăng N và ông Trần Thế A không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm, trả lại 300.000 đồng tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 001670 ngày 10/9/2020 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Quảng Bình cho ông Trần Thế A.

Bản án hành chính phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND tỉnh Quảng Bình;
- Cục THADS tỉnh Quảng Bình;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, P.HCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trương Công Thi

